TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-PT
Ngày 21- 3 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung Vân;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đức Châm;

Ông Lộc Sơn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLPT-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 15/2017/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đoàn Trung B (tên gọi khác: Đoàn Văn B); cư trú tại: Khu P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Kim K, Luật sư – Văn phòng Luật sư K thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Đường N, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

- *Bị đơn*: Bà Sầm Thị H; cư trú tại: Khu P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Sầm Thị H, là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày của các đương sự và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Đoàn Trung B và bà Sầm Thị H kết hôn với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 24/8/2010. Trước khi kết hôn với bà Sầm Thị H thì ông Đoàn Trung B đã có 01 đời vợ và 03 người con gái đều đã trưởng thành; ông Đoàn Trung B và bà Sầm Thị H không có con chung. Tài sản chung, gồm có: Các đồ vật sinh hoạt gia đình, như: 01 tủ lạnh hiệu Funiky; 01 kệ kê tủ lạnh; 01 kệ để tivi; 01 tivi hiệu Toshiba Regza; 02 giường ngủ bằng gỗ; 01 ghế thang bằng gỗ; 02 quạt điện cơ 91; 01 téc nước loại 01m^3; 01 tủ bằng gỗ và một căn nhà cấp 4 xây năm 2011 diện tích 66,04m^2, 01 công trình vệ sinh, diện tích 4,6m^2 trên đất, đất xây nhà có từ trước khi ông Đoàn Trung B và bà Sầm Thị H kết hôn. Ông Đoàn Trung B đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 53A, bản đồ 04 diện tích 137,4m^2 tại địa chỉ khu P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Kết quả định giá, tổng giá trị tài sản chung gồm nhà cấp 4, công trình vệ sinh và đồ vật sinh hoạt là 137.324.000 đồng; nợ chung của vợ chồng không có.

Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2017, nguyên đơn ông Đoàn Trung B yêu cầu được ly hôn với bà Sầm Thị H với lý do giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Mỗi lần cãi nhau bà Sầm Thị H lại tự ý bỏ về nhà bên ngoại để ở, thiếu trách nhiệm với gia đình, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm tin tưởng lẫn nhau. Về tài sản chung vợ chồng: Có một ngôi nhà cấp 4 xây năm 2011 sau khi kết hôn với bà Sầm Thị H; tiền xây ngôi nhà này do ông tự bỏ ra, bà Sầm Thị H không có tiền đóng góp, nhưng cũng có công sức nội trợ công việc gia đình trong thời gian xây nhà. Do đó ông đồng ý thanh toán cho bà Sầm Thị H 30.000.000 đồng.

Bị đơn bà Sầm Thị H xác nhận lời trình bày của ông Đoàn Trung B về quan hệ hôn nhân, về con, về tài sản là đúng. Nhưng bà không đồng ý ly hôn với lý do mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn, có thể hàn gắn được. Nguyên nhân chủ yếu khiến ông Đoàn Trung B yêu cầu ly hôn là do các con riêng của ông Đoàn Trung B xúi giục, để chuyển nhượng nhà đất sang tên cho các con gái. Trong trường hợp phải ly hôn thì bà yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà khoảng 200.000.000 đồng. Nếu ông Đoàn Trung B được quản lý, sử dụng ngôi nhà thì phải thanh toán cho bà một nửa giá trị với số tiền là 100.000.000 đồng.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 15/2017/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Đoàn Trung B và bà Sầm Thị H ly hôn.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

- Ông Đoàn Trung B được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng tài sản chung gồm có: 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 66,04 m^2, 01 công trình vệ sinh, diện tích 4,6m^2 tại địa chỉ khu P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 465843 mang tên Đoàn Trung B, cùng các vật dụng sinh hoạt trong nhà gồm: 01 tủ lạnh hiệu Funiky; 01 kệ kê tủ lạnh; 01 kệ để ti vi; 01 ti vi hiệu Toshiba Regza; 02 giường ngủ bằng gỗ; 01 ghế thang bằng gỗ; 02 quạt điện cơ 91; 01 téc nước loại 01m^3 và thanh toán số tiền chênh lệch về tài sản cho bà Sầm Thị H là 64.662.000 đồng.

- Bà Sầm Thị H được quyền sở hữu, sử dụng 01 tủ đứng bằng gỗ trị giá 4.000.000đồng và được hưởng số tiền chênh lệch tài sản là 64.662.000 đồng.

4. Về nợ chung: Không có không xem xét giải quyết.

5. Về chi phí định giá tài sản: Ông Đoàn Trung B và bà Sầm Thị H mỗi người phải chịu chi phí định giá tài sản số tiền 1à 1.500.000 đồng; ông Đoàn Trung B đã nộp tạm ứng số tiền chi phí định giá là 3.000.000 đồng. Buộc bà Sầm Thị H phải thanh toán trả cho ông Đoàn Trung B số tiền là 1.500.000 đồng.

6. Về án phí: Ông Đoàn Trung B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 3.433.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; bà Sầm Thị H phải chịu 3.433.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch;

Ngoài ra Bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu lãi suất nếu chậm thi hành án.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, bà Sầm Thị H kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm về phần chia tài sản, cụ thể: Bà yêu cầu được sở hữu ngôi nhà cấp 4, công trình vệ sinh và có trách nhiệm trả lại số tiền chênh lệch giá trị ngôi nhà cho ông Đoàn Trung B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Sầm Thị H giữ nguyên kháng cáo với yêu cầu được chia 1/2 ngôi nhà cấp 4 bằng hiện vật để có chỗ ở; trường hợp nếu không chia được bằng hiện vật thì yêu cầu ông Đoàn Trung B phải trả cho bà số tiền là 200.000.000 đồng.

Ông Đoàn Trung B, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đoàn Trung B đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà Sầm Thị H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Có căn cứ xác định ngôi nhà cấp 4, công trình vệ sinh là tài sản chung của ông Đoàn Trung B và bà Sầm Thị H; các công trình

trên xây dựng tại thửa đất là tài sản riêng của ông Đoàn Trung B có từ trước khi kết hôn; công trình nhà gắn liền với đất, đồng thời ngôi nhà chỉ có diện tích 66m^2, là diện tích cần thiết cho một hộ gia đình sinh sống; ngoài ngôi nhà này ông Đoàn Trung B không có nơi ở nào khác. Bởi vậy việc bà Sầm Thị H yêu cầu chia đôi bằng hiện vật là không thể thực hiện được. Kết quả định giá, tổng giá trị tài sản chung của ông Đoàn Trung B và bà Sầm Thị H là 137.324.000 đồng, nên việc bà Sầm Thị H yêu cầu ông Đoàn Trung B phải thanh toán cho bà trị giá 1/2 tài sản với số tiền 200.000.000 đồng là không có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Sầm Thị H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bản án sơ thẩm xử cho ông Đoàn Trung B và bà Sầm Thị H được ly hôn, ông Đoàn Trung B và bà Sầm Thị H đều không có kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị nên quyết định về phần này đã có hiệu lực pháp luật và không thuộc phạm vi xem xét, giải quyết của cấp phúc thẩm.

[3] Về tài sản: Bà Sầm Thị H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho bà sở hữu 1/2 ngôi nhà cấp 4, công trình vệ sinh tại khu P, thị trấn T, huyện T; trường hợp nếu không chia được bằng hiện vật thì yêu cầu ông Đoàn Trung B phải trả cho bà số tiền là 200.000.000 đồng, xét thấy:

[4] Tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm, bà Sầm Thị H đều thừa nhận sau khi kết hôn với ông Đoàn Trung B, năm 2011 hai ông bà mới xây dựng được ngôi cấp 4, công trình vệ sinh trên thửa đất số 53A, tờ bản đồ 04, diện tích 137,4m^2 địa chỉ tại khu P, thị trấn T, huyện T (thửa đất trên của ông Đoàn Trung B đã có từ trước) và mua sắm được các vật dụng sinh hoạt gia đình hiện nay.

[5] Thửa đất số 53A, tờ bản đồ 04, diện tích 137,4m^2 nêu trên là tài sản có trước khi ông Đoàn Trung B kết hôn với bà Sầm Thị H; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp mang tên ông Đoàn Trung B. Sau khi kết hôn với bà Sầm Thị H, ông Đoàn Trung B không có thỏa thuận nhập diện tích đất trên vào khối tài sản chung của vợ chồng nên diện tích đất trên là tài sản riêng của ông Đoàn Trung B, không phải tài sản chung của vợ chồng ông Đoàn Trung B và bà Sầm Thị H.

[6] Từ phân tích trên xác định, tài sản chung của ông Đoàn Trung B và bà Sầm Thị H chỉ bao gồm: Ngôi nhà cấp 4, công trình vệ sinh kèm theo xây trên thửa đất số 53A, tờ bản đồ 04 tại khu P, thị trấn T, huyện T và các đồ vật sinh hoạt gia đình như 01 tủ lạnh hiệu Funiky; 01 kệ kê tủ lạnh; 01 kệ để tivi; 01 tivi hiệu Toshiba Regza; 02 giường ngủ bằng gỗ; 01 ghế thang bằng gỗ; 02

quạt điện cơ 91; 01 téc nước loại 01m^3; 01 tủ bằng gỗ. Kết quả định giá, tổng giá trị tài sản chung nêu trên là 137.324.000 đồng. Chia đôi mỗi người được hưởng một nửa, thì trị giá phần tài sản của ông Đoàn Trung B, bà Sầm Thị H mỗi người được hưởng là 68.662.000 đồng. Ngôi nhà, công trình vệ sinh gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của ông Đoàn Trung B; ngoài ngôi nhà này ông Đoàn Trung B không có nơi ở nào khác; đồng thời ngôi nhà chỉ có diện tích 66,04m^2, là diện tích cần thiết cho một hộ gia đình sinh sống. Do vậy việc chia tài sản chung của ông Đoàn Trung B và bà Sầm Thị H chỉ có thể thực hiện bằng việc chia giá trị tiền, không chia được bằng hiện vật. Tòa án cấp sơ thẩm xử cho ông Đoàn Trung B quyền sở hữu nhà, công trình phụ và phải thanh toán tiền cho bà Sầm Thị H là có căn cứ. Trong số các đồ vật sinh hoạt, bà Sầm Thị H nhận lấy chiếc tủ bằng gỗ trị giá là 4.000.000 đồng. Do đó bản án sơ thẩm buộc ông Đoàn Trung B phải thanh toán cho bà Sầm Thị H số tiền chệnh lệch về tài sản là 64.662.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật.

[7] Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Sầm Thị H. Xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định. Nhận định này cũng phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Sầm Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 2, 4 Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51; 56 và 57; khoản 1 Điều 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 15/2017/HNGĐ-ST ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Đoàn Trung B ly hôn với bà Sầm Thị H.

2. Về tài sản chung:

2.1. Ông Đoàn Trung B được quyền sở hữu, sử dụng: 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 66,04m^2; 01 công trình vệ sinh, diện tích 4,6m^2 trên diện tích đất 137,4m^2 tại địa chỉ khu P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 465843, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00090 ngày 10/5/2012 mang tên ông Đoàn Trung B và được sở hữu các tài sản: 01 tủ lạnh hiệu Funiky; 01 kệ để kê tủ lạnh; 01 kệ để ti vi; 01 ti vi hiệu Toshiba Regza; 02 giường ngủ bằng gỗ; 01 ghế thang bằng gỗ; 02 quạt điện cơ 91; 01 téc nước loại 01m^3.

2.2. Bà Sầm Thị H được quyền sở hữu 01 tủ đứng bằng gỗ.

2.3. Ông Đoàn Trung B phải thanh toán cho bà Sầm Thị H số tiền chênh lệch về tài sản là 64.662.000 đồng (Sáu mươi tư triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

3. Về chi phí định giá tài sản:

- Ông Đoàn Trung B và bà Sầm Thị H mỗi người phải chịu số tiền chi phí định giá tài sản là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng);

- Buộc bà Sầm Thị H phải thanh toán trả cho ông Đoàn Trung B số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Sầm Thị H; ông Đoàn Trung B có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải thi hành theo quyết định tại điểm 2.3 và điểm 3 nêu trên, nếu người phải thi hành chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Ông Đoàn Trung B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 3.433.100 đồng (Ba triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn một trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông Đoàn Trung B đã nộp theo biên lai thu số 03621 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Ông Đoàn Trung B còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 3.433.100 đồng (Ba triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn một trăm đồng).

4.2. Bà Sầm Thị H phải chịu 3.433.100 đồng (Ba triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn một trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Sầm Thị H đã nộp theo biên lai thu số 264 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Bà Sầm Thị H còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 3.433.100 đồng (Ba triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn một trăm đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H.Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện T, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự; NBVQLIHP;
- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn;
- HCTP; KTNVvàTHA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Thị Trung Vân